

Trong quá trình mở cõi của dân tộc và phương Nam, Quảng Nam là vùng đất phân địa của xứ Đàng Trong. Các dân Quảng Nam phần lớn có nguồn gốc từ các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An và một số như từ Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên vào đây theo những đợt di dân khác nhau mà rõ ràng và đông đảo nhất là vào đầu thế kỷ XV (1402) dưới Hồ Quý Ly; năm 1471 dưới Lê Thánh Tông và sau đó là Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (1558). Đây chính là yếu tố quan trọng để vùng đất này nhanh chóng trở thành nơi cư trú định canh định cư của những người dân đến từ phía Bắc nước ta.

Theo thời gian, ngày càng có nhiều người lập thôn họ của dân đến lập nghiệp sinh sống ở những vùng đất trù phú, có điều kiện canh tác. Các mảnh vùng đất phía Bắc Quảng Nam được khai phá dần dần, trên đó hình thành những làng xã mới với dân số ngày càng đông, trong số đó có làng Mộ Xuyên Tây, huyện Duy Xuyên. Nhờ có ý chí và nghị lực, vượt qua biết bao sóng gió, cộng đồng những người dân ở đây đã kiên trì khai hoang lập nghiệp. Tinh thần này, ý chí này đã trở thành truyền thống yêu quê hương, làng xóm, trở thành truyền thống kiên cường bám đất giữ làng của nhân dân làng Mộ Xuyên Tây, huyện Duy Xuyên.

Về định danh tên làng Mộ Xuyên Tây, trong sách “Ô châu cận lục” của Đào Ng Văn An viết năm 1553 có ghi chép về tên làng Mộ Xuyên Tây, huyện Hy Giang. Ngoài ra, trong Gia phả họ u du tộc Mạc Trà Kiêu ghi chép về một số kiến định ra năm 1642 có ghi tên định danh làng Mộ Xuyên Tây, như vậy có thể nói rằng từ năm 1553 đến trước năm 1642, do điều kiện tự nhiên và nguồn lực kinh tế xã hội dồi dào, nguồn nhân lực mạnh, dân số đông, ruộng đất bất tận... làng Mộ Xuyên từ khi đầu thành lập đã tách thành hai làng Mộ Xuyên Đông và làng Mộ Xuyên Tây, trong một số văn bản của triều đình còn ghi khác là Giáp Đông và Giáp Tây làng Mộ Xuyên. Mặc dù chia thành hai làng với xã hội mới, hệ thống bộ máy chính quyền làng xã mới, nhưng hai làng vẫn giữ được truyền thống khi đầu vào với tiền hiền là Lê Quý Công đến khai hoang lập làng xã. Khi chia tách, làng Mộ Xuyên Đông giữ lại thiết chế văn hóa làng xã là Đình làng, và làng Mộ Xuyên Tây thì giữ lại thiết chế tín ngưỡng là Tiền hiền Mộ Xuyên Tây T (Nhà thờ tiền hiền làng Mộ Xuyên Tây) cho đến nay.

Năm 1471, Lê Thánh Tông đem quân chinh phạt Chiêm Thành thống trị, lập ra Quảng Nam thừa tuyên để, người Việt tiếp tục đến sinh sống, khai phá, lập làng trên vùng đất phì nhiêu này. Tiếp nối và sau, dưới thời Lê và các chúa Nguyễn vẫn còn những cuộc di cư của người Việt, nhất là vào thời Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (1558). Năm 1602, Nguyễn Hoàng cho thành lập dinh Quảng Nam, làng Mộ Xuyên Tây thuộc huyện Hy Giang, phủ Thăng Hoa;

Đến năm 1604, Nguyễn Hoàng dời huyện Hy Giang thành huyện Duy Xuyên. Đến thời triều Nguyễn, năm 1836, Minh Mạng cho cắt 4 tổng phía Nam của huyện Duy Xuyên để thành lập huyện Quế Sơn, gồm có 5 tổng: Xuân Phú, Xuân Mỹ, An Mỹ, Thuận An, Trung Lễ; làng Mỹ Xuyên Tây là lỵ, thuộc huyện Duy Xuyên.

Sau khi thành lập, do có kinh tế và nhân lực, cộng đồng dân làng Mỹ Xuyên Tây đã có đóng góp tích cực trong việc xây dựng mối quan hệ gắn bó với các làng xã của cộng đồng huyện Duy Xuyên, góp phần làm cho cả vùng Duy Xuyên trở thành một vùng nông nghiệp trù phú, thịnh vượng ở Đàng Trong. Vào năm Nhâm Ngọ - Dụ định Hòa 8 (1642), Chúa Thuận Nguyễn Phúc Lan cho trùng tu chùa Bửu Châu (Trà Kiêu) và là nơi trú ẩn của các Phật tử Huân đã lập ra một tu hành trong những năm về già. Nhờ có công giúp đỡ mang về Đàng Trong nên Phật tử Huân được chúa Nguyễn ban quước tính, dời họ Phật thành họ Nguyễn Phúc. Trong lần trùng tu này, chúa Nguyễn Phúc Lan đã cho huy động 3 cơ sở quân sự dinh Quảng Nam cùng với thời gian 7 xã lân cận đến giúp trùng tu, gồm: Trà Kiêu xã, Phật Hoa châu các thôn giáp, Thị Lai châu các thôn, Bà Mã châu các thôn, Hàm Rồng xã, Mỹ Xuyên Tây xã, Chiêm Sơn Đông xã.

Về thành phần các tộc họ trong làng: Họu họ các bộ lạc, nhân sĩ thời nói rằng có 13 tộc Họu họ giúp Tiên hiền Lê Quý Công lập làng Mỹ Xuyên từ thuở ban đầu, gọi là Họu họ tiên thời, những tên các tộc Họu họ tiên thời thì mỗi họ khác. Theo thời gian “Duy Tân ngũ niên tôn đức phước lộc” viết dưới thời vua Duy Tân, các tộc Họu họ tiên thời của làng Mỹ Xuyên gồm tộc Nguyễn, Đặng, Cao, Trần, Nguyễn, Trần, Trình, Phạm, Võ. Tuy nhiên từ lâu, các tộc Cao, Trần, Nguyễn, Trình không còn ở đây nữa.

Thời các tộc đến sau gọi là Họu họ hậu thời. Ngày xưa, các họ dân thời sống thành tập thể họp những người trong cùng một họ tộc để hỗ trợ nhau, nên ngay từ cuối thời kỳ XVI đã có họ tiên thời “trùng họ tộc” trong làng Mỹ Xuyên Tây, ví dụ có nhiều nhánh tộc Nguyễn họ nhiều nhánh tộc Trần đến lập cùng ở trong làng, không có quan hệ huyết thống với nhau, nên bắt đầu phân ra các tên tộc có 2 tiếng (tiếng thứ 2 không phải chữ lót mà là một họp họ của tên tộc có 2 tiếng) như tộc Nguyễn Văn, Nguyễn Hữu, Nguyễn Thọ, Trần Văn, Trần Phạm, Trần Việt, Huỳnh Bá, Huỳnh Công, Văn Bá,... từ đó nên các tộc họ gắn với tên làng, như tộc Nguyễn Văn Xuyên Tây, tộc Trần Văn Xuyên Tây,... để phân biệt với các tộc trùng tên ở làng khác.

Gia đình họ Hán của các tộc có từ 16 đời trước ở Mỹ Xuyên Tây, các đời trước cho thời có các bà dâu và là người ở ngay trong làng (nội xã nhân) là người tộc Họu họ, Huỳnh, Lê, Phan, Phạm,... ở ngay trong làng Mỹ Xuyên Tây từ đầu thời kỳ XVII.

Từ xa xưa, các vị tiền hiền làng xã đã được thờ cúng. Nhưng mãi tới khi các bậc Tiền hiền, Khai canh khai khẩn chính thức được nhà nước sắc phong thì có thể coi đó là dấu ấn quan trọng khẳng định kết quả của công lao quá trình cải tạo, mở hoang, lập xã hóa các nhân vật lịch sử trở thành nhân thần, trong vai trò là thần linh được làng xã thờ cúng, nhà nước công nhận qua hình thức sắc phong, như tước Phàm Văn (làng An Lạc, Duy Xuyên), làng An Lâm (Duy Xuyên) có đình Lạc thôn La Tháp, vị tiền hiền họ Trần ở Thanh Hóa đem vợ con vào làng này khai lập xã hiền La Tháp châu, trước gọi là La Tháp Chàm An Lâm, và sau mới đổi gọi thành An Lâm; làng Gia Cốc (Duy Xuyên) có 2 tước Tiền hiền (Trần, Phạm) và 3 tước Hậu hiền (Hàn, Phan Trung, Phan Văn), với lễ đồ minh rõ ràng nhưng lúc tế lễ có dâng cúng “con sinh” (sinh tố) thì có thể thấy biết về các dòng họ Tiền Hiền và Hậu hiền để ghi nhớ công đức.

Ở vùng đất Duy Xuyên xưa, Trà Kiệu là một trong ba làng lớn nhất Quảng Nam (nhất Trà Kiệu, nhì La Qua, thứ ba Tú Trảng) nên về sau phát triển thành 5 xã mới (Ngũ xã) là Trà Kiệu Trung, Trà Kiệu Đông, Trà Kiệu Tây, Trà Kiệu Nam, Trà Kiệu Thanh. Còn đất với Mộ Xuyên, tuy về thời, diện tích nông thôn và nguồn lực không bằng Trà Kiệu nhưng cũng thu hẹp lại thành hai, cũng được chia thành hai làng Đông và Tây, tuy nhiên vì truyền thống về giới nên tên làng cũ là Mộ Xuyên.

Về lịch sử xây dựng, Nhà thờ Tiền hiền Mộ Xuyên Tây (Tiền hiền Mộ Xuyên Tả) xưa là một ngôi Cột Leo ở ranh giới giữa xóm Mộ Thành và xóm Mộ Đô, nay thuộc khu phố Xuyên Tây của thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên.

Nhà thờ

được xây dựng cùng thời với chùa Bồ Châu (Trà Kiệu) và chùa Long Hưng (Thanh Chiêm) dưới thời các Chúa Nguyễn (cuối thế kỷ XVII).

Đây là thời kỳ thịnh vượng nhất của xã Đàng Trong, công thức vào kho tàng năm Chính Hòa (1680-1705), do vậy, Chúa Nguyễn cho phép công đức dân trong các xã bắt đầu được lập đình, nhà thờ phụng và việc thờ cúng.

Nhà thờ Tiền hiền Mộ Xuyên Tây được xây dựng đầu tiên trong thời kỳ này.

Tuy nhiên đến giai đoạn binh biến thời Tây Sơn, các thiếp chủ tín ngưỡng của người Việt ở Duy Xuyên cũng cùng chung số phận như: chùa quan Bồ Châu cùng bị đốt phá, Đền bà Mẹ Cột Leo và rớt đình chùa trong huyện đều bị hủy hoại. Bài vị của vị tiền hiền cùng di sản thờ tự cũng đều bị hủy hoại thiêu cháy.

Mãi đến năm Minh Mạng thứ 5 (1824), cùng thời điểm chùa quan Bồ Châu được dựng lại, công đức dân trong xã kiến tạo riêng một đền thờ riêng biệt và thiếp chủ ruộng đất được phân phối các bậc tiền hiền, lập bài vị Tiền hiền đặt tên là “Khai cơ”. Theo tài liệu đi kèm đã, vào thời điểm đó, ruộng đất công của làng Mộ Xuyên Tây hơn 750 mẫu, nhân đinh nam giới trong tổng số là 940 người. Vì vậy, Nhà thờ tiền hiền Mộ Xuyên lúc này có quy mô lớn ở Duy Xuyên,

với 40 viên đá tảng (còn gọi là Đài đá) còn đến ngày nay trong khuôn viên Nhà thờ. Một thời gian sau, trong làng có vài hào phú, góp tiền xây dựng bên cạnh Nhà thờ ngôi nhà Hối hỷ mừng đời dân làng hoi hoi, trang bày 2 tấm bia cội và là nơi chuồn bồng vật phẩm cúng kính tín hiên.

Năm 1947, ngôi đình và nhà Đông Trù được dân làng tháo dỡ để thực hiện “*Tiêu thổ kháng chiến*”. Hòa bình lập lại, năm 1957, cộng đồng dân làng góp tiền mua một ngôi nhà rộng rãi có ba gian hai chái ở làng Mã Châu và dựng làm Nhà thờ (Dân gian thường gọi là Đình). Thời kỳ chiến tranh lan rộng miền Nam, năm 1969, vùng Duy Xuyên là vùng nông thôn, chiến tranh càng ác liệt, Mìn cày xới liên tục, nên ngôi đình lại bị tàn phá.

Sau ngày thống nhất đất nước (1975), do hoàn cảnh dân trong làng còn rất khó khăn và trong thời kỳ chuyển đổi “bài phong kiến thực” chuyển văn hóa cũ, dân làng không có điều kiện xây dựng lại Nhà thờ tín hiên. Đến năm 2002, cộng đồng nhân dân làng Mỹ Xuyên Tây đã quyết định góp xây dựng lại ngôi đình hiên nay trên nền cũ thời xưa.

Dù ảnh hưởng bởi chiến tranh, nhưng công đồng dân Đình Tín hiên Mỹ Xuyên Tây vẫn duy trì được các lễ hội truyền thống từ xưa đến nay rất quy củ, nên nếp, được coi là mẫu mực giữa các làng xã tại địa phương. Trong thời bình, làng xóm an hòa, người người đồng tâm hiệp lực, hàng năm tổ chức 3 lần Tết Lễ hội đình, gồm:

- Tết Nguyên Đán: nghinh Thần 3 ngày Tết;

- Lễ hội Thanh Minh: vào đúng ngày tết Thanh Minh hàng năm (có thể chuyển sang ngày gần kề nếu trùng ngày Rằm, mừng Tết âm lịch);

- Giỗ Tín hiên: đúng vào ngày mừng Tết tháng Mười Một âm lịch hàng năm.

- Hội làng: được tổ chức 5 năm một lần vào ngày Thanh Minh, có cả phần Lễ và Hội. Hội làng gần đây được tổ chức vào năm 2014, nhân Hội mừng 100 năm thành lập UBND huyện Duy Xuyên phê chuẩn.

- Văn tế có truy n: Đình Mỹ Xuyên Tây đang lưu giữ và truy n đến 2 bài Văn tế do 2 C nhân khoa bảng nguyên quán làng Mỹ Xuyên là C nhân Văn Phú Tr ng và C nhân Tr n Dĩnh viết từ hơn 100 năm trước.

Đến nay công đức tiền nhân, tiếp tục truy n Nhà thờ Tiền hi n Mỹ Xuyên Tây đến c công đức nhân dân trong xã góp tiền, góp sức xây dựng cùng thờ i với chùa Bồ u Châu (Trà Ki u) và chùa Long H ng (Thanh Chiêm) đến i thờ i Chúa Tiên Nguy n Hoàng (cuối thế kỷ XVI). Vào thờ i k đến do có quy mô nh còn hoang sơ nên gọi là Mi u thờ Tiền hi n. Sau này, đến i thờ i chi n tranh Tr nh - Nguy n, rồi i chi n tranh Tây Sơn - Nguy n, ngôi Mi u thờ tiền hi n bị hủy hoại hoàn toàn. Đến thờ i Minh M ng, khi có đ đến u ki n, nhân dân trong làng xây dựng lại Mi u thờ với quy mô to lớn hơn trước nên dân gian thờ ng gọi là Đình tiền hi n, xây dựng theo kiểu ba gian hai chái, theo kiểu u ch ng r ng giữ thờ với cật kèo đến c ch m kh c công phu, bên ngoài trang trí c tân h i h a tinh xảo.

Năm 1947, ngôi Đình thờ và nhà Đông Trù đến c tháo dỡ thờ c hi n “*Tiêu thờ kháng chi n*”. Năm 1957, dân làng mua m t ngôi nhà r ng c ba gian hai chái làng Mã Châu về dựng làm Đình thờ. Năm 1969, Mỹ cày x i nên ngôi đình bị tàn phá. Năm 2002, nh m tri ân công đức c a tiền nhân, dân làng đã dựng lại ngôi Đình/Nhà thờ tiền hi n như hi n nay.

Nhà thờ tiền hi n xây với h ng nam, phía trước c là cánh đến ng r ng. Công Nhà thờ xây theo mô hình tam quan, trên công có dòng ch Hán (Tiền hi n Mỹ Xuyên Tây t m n). D ch nghĩa: Công nhà thờ tiền hi n Mỹ Xuyên Tây”. B trước sân Nhà thờ có b c bình phong, m t trước c p với Long Mã phù đ đ c n tà khí, m t sau có ch m hình cá hóa r ng.

Nhà thờ Tiền hi n Mỹ Xuyên Tây là di tích tín ng ng c a dân t c Việt. Đây là nơi thờ t Tiền hi n Chánh Đ đến Lê Quý Công, ng i đã có công lao to lớn trong công cuộc bình Chiêm tái chiếm vùng đất Chiêm Đ ng và C Lũy vào giai đo n đến c a thờ i Lê s (1428-1459), và còn có công quy m các thành ph n lưu dân t mi n Bắc vào vùng b c Qu ng Nam lập làng xã và giữ vai trò quy t đ nh trong việc tr ng công toàn b đến n thờ đ dân làng Mỹ Xuyên đến c h ng “l c n c” suốt hơn 500 năm qua. Nhà thờ Tiền hi n Mỹ Xuyên Tây gắn bó m t thiết với công lao c a Tiên hiền Lê Quý Công.

Giá trị n i b t c a di tích Nhà thờ Tiền hi n Mỹ Xuyên Tây g n k t và không thờ tách rời với di

Viết bởi Quynh Truong web
Thứ sáu, 22 Tháng 7 2022 13:40 -

Hiện nay, tại Nhà thờ Tin lành ở M. Xuyên Tây đã tìm lại được tấm bia cổ được đặt vào năm K. 1869 dưới thời vua T. Đ. Thông qua hai câu thơ ch. đ. của văn bia, tiến hành truy. n. lại cho họ. u. th. đ. o. lý. tri. ân. Tin. h. ở. n., H. u. h. ở. n. và Tin. b. ở. c. của bao. l. p. ng. ở. x. a. làng, nên Tấm bia này là di. s. n. v. t. th. quý. giá. v. m. t. l. ch. s., văn. hóa. của dân. làng M. Xuyên Tây. Văn bia ghi chép như sau

Hai câu thơ mở đầu vẫn bia nói lên chủ đề chính là ca ngợi i công sức tảo tần đợp cõa làng và tri ân ngài Tiều hiều đã hào hiều trợ trợ công toàn bộ đợn thợ, ban cho dân làng ruộng vờn đợ đợc cõ no òm lúc sỏng và trợ trợ trí nhieu nờ trong làng đợ an táng ngợợ i chợ(t*Cõn Đợ, Cõn Leo, Cõn Khợ, Cõn Lợ, Cõn Trờn, Gò Khoai,...*)

nờn tợ xợa đợn năm 1975 dân làng khợ i mua huyợ t mợ đợ tợ; cõn tợ sau năm 1975 có Nghĩa đợa Gò Khoai nờn dân làng cõng khợ i mua huyợ t mợ đợ núi Nợng Bợ cớch trợ. Nhợ sung công toàn bộ đợn thợ nờn Ngài Tiều hiều đã ban cho dân làng 2 thợ quý giá nhợ t là đợ t cho cuợ c sỏng và đợ t lúc tợ biợ t cõi trợ nờn ợi cõng biợ t ợn Ngài qua tợ “Tiều nhàn ợn” ợ câu thơ chợ đợ

Dị tích NHÀ THỜ TIỀN HIỀN MỞ XUYỀN TÂY

Vị trí bài Quên trên web

Thứ sáu, 22 Tháng 7 2022 13:40 -

mở đầu văn bia.

Nhà thờ Tiền hiền M. Xuyên Tây thờ ngài Tiền hiền h. ng án chính gia, các v. H. u. hi. n và Tiền bối 2 h. ng án T. H. u. Nh. v. y, ng. i. x. a đã tôn vinh ngài Tiền hiền là m. t trong các v. Phúc Th. n, là Thành hoàng b. n c. nh che ch. , b. o v. , phù tr. cho nhân dân trong làng. T. “
Ti. n nhân” trong Văn bia còn bao hàm ghi công đ. c. a các v. H. u. hi. n và Tiền bối qua nhi. u th. h. đã góp ph. n xây đ. ng làm nên s. trù phú cu. a làng.

Nội dung T. m. bia c. cùng h. th. ng câu đ. i, hoành phi . đình M. Xuyên Tây và . mi. u Th. n. Nông có niên đ. i khác nhau, do nhi. u ngu. n cung ti. n nh. ng đ. u mang ý nghĩa nh. c. nh. cháu con u. ng n. c. nh. ngu. n, bi. t. n. tiên t. , s. ng có đ. o lý, luôn ph. n đ. u v. n lên đ. đ. t chu. n chân, thi. n, m. . M. t khác, có m. t s. câu đ. i miêu t. c. nh s. c. non n. c, v. đ. p. quê h. ng và con ng. i luôn khao khát mong mu. n đ. c. s. ng trong c. nh thanh bình, . m. no, h. nh phúc. Đây là ngu. n t. li. u vô cùng quý giá góp ph. n nghiên c. u v. l. ch s. , v. văn hóa, v. con ng. i . M. Xuyên Tây nói riêng, Duy Xuyên nói chung.

Nhà thờ Tiền hiền M. Xuyên Tây là m. t thi. t. ch. văn hóa tín ng. ng c. a c. dân nông nghi. p. x. Qu. ng. Dị tích th. hi. n nhi. u giá tr. v. l. ch s. , văn hóa và s. c. k. t. c. a c. ng đ. ng làng. Đ. c. bi. t, làng M. Xuyên Đông và M. Xuyên do đ. i. u ki. n l. ch s. đã chia tách thành hai làng t. xa x. a, nh. ng trải qua m. y trăm năm, c. ng đ. ng nhân dân hai làng v. n gi. đ. c. m. i quan h. g. n bó và đoàn k. t, b. i. vì cùng m. t ngu. n g. c. sinh ra. Làng M. Xuyên Đông có Đình làng, làng M. Xuyên Tây có Nhà thờ ti. n hi. n làng. Đây cũng chính là nét đ. c. tr. ng, quý giá mà ít làng xã nào có đ. c. .

Nhà thờ đ. c. Ban đ. i di. n 4 xóm c. , đ. i di. n ch. t. c, các v. cao niên, nhân sĩ trí th. c cùng bà con trong làng xã luôn có ý th. c gìn gi. và b. o t. n t. t.

Nhà thờ ti. n hi. n M. Xuyên Tây đ. c. y ban nhân dân t. nh Qu. ng Nam ban hành Quy. t đ. nh s. 668/QĐ/UBND/2020, ngày 13/3/2020, x. p. h. ng di tích l. ch s. c. p. t. nh.